

Số: 845 /GPMT-UBND

Hung Yên, ngày 31 tháng 3 năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH công nghệ bao bì đóng gói YuYing số: 12/YY ngày 12/01/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 240/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 3 năm 2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp giấy phép cho Công ty TNHH công nghệ bao bì đóng gói YuYing, địa chỉ: Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bao bì giấy carton” với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì giấy carton.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
- 1.3 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0901209712 đăng ký lần đầu ngày 08/9/2025.
- 1.4. Mã số thuế: 0901209712.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất giấy carton cán sóng.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được triển khai trên diện tích 5.788 m<sup>2</sup> thuê của Công ty TNHH Đại Thành (theo Hợp đồng số 1009/2025/VT-TT ngày 10/9/2025 giữa Công ty và Công ty TNHH Đại Thành).

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất sản xuất: 25.000 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Yêu cầu về thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH công nghệ bao bì đóng gói YuYing có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời hạn của giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Khoái Châu;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2<sup>Tr</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hùng Nam**

**Phụ lục 1**  
**YÊU CẦU VỀ THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 845 /GPMT-UBND ngày 31 /3/2026*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)*

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

- Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn.

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ dự án.

Nguồn số 2: Nước thải sinh sản xuất dự án.

Nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày, đêm của Công ty TNHH Đại Thành để xử lý. Tọa độ vị trí đầu nối: X(m): 2302411; Y(m): 549514 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>).

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ khu nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày, đêm.

Nước thải sản xuất: Phát sinh từ quá trình vệ sinh máy trộn hồ được thu gom về bể gom có dung tích 2 m<sup>3</sup> sau đó được bơm tuần hoàn lại cho quá trình trộn hồ, không thải ra môi trường.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày, đêm đảm bảo đạt QCVN 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt (K = 1,2; K<sub>hy</sub> = 0,9) được thải ra Kênh tiêu Bắc Đàm Hồng nằm ở phía đông của dự án trên địa bàn Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm vì toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án của Công ty TNHH công nghệ bao bì đóng gói YuYing được Công ty TNHH Đại Thành (Hợp đồng số 1009/2025/VT-TT ngày 10/9/2025) thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải trước khi thải ra Kênh tiêu Bắc Đàm Hồng nằm ở phía đông của dự án trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thực hiện thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý trước khi thải ra môi trường.

3.2. Bố trí hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về đầu nối nước thải và các điều kiện về vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. 2/

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 845 /GPMТ-UBND ngày 31/3/2026*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn phát sinh: Có 02 nguồn.

Nguồn số 1: Phát sinh từ khu vực máy phát điện dự phòng;

Nguồn số 2: Phát sinh từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

Khu vực đặt quạt hút của HTXL khí thải lò hơi.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể:**

Áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

**3.1. Tiếng ồn**

| TT | QCVN 26:2025/BNNMT   |                       |                      | Ghi chú<br>(Khu vực thông thường) |
|----|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------------------|
|    | Từ 6-18 giờ<br>(dBA) | Từ 18-22 giờ<br>(dBA) | Từ 22-6 giờ<br>(dBA) |                                   |
| 1  | 65                   | 60                    | 55                   | Thời gian áp dụng trong ngày      |

**3.2. Độ rung**

| TT | QCVN 27:2025/BNNMT |             | Ghi chú<br>(Khu vực thông thường)                             |
|----|--------------------|-------------|---|
|    | Từ 6-21 giờ        | Từ 21-6 giờ |   |
| 1  | 70                 | 65          | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB |


**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn thấp; các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ rung thấp; lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc.

## **2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này. 

### Phụ lục 3

## NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 845/GPMT-UBND ngày 31/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

#### 1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn thải: Có 01 nguồn.

Nguồn thải: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của lò hơi.

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Dòng phát thải: Có 01 dòng thải.

##### 2.1. Vị trí xả khí thải:

Tại ống khói sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

Tọa độ vị trí xả thải: X(m): 2302382; Y(m): 549482 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>).

##### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.

Phương thức xả khí thải: Cường bức theo ca sản xuất.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

| STT | Thông số                                     | Đơn vị             | QCVN 19:2024/BTNMT, cột B |
|-----|--|--------------------|---------------------------|
| 1   | Lưu lượng                                    | m <sup>3</sup> /h  | -                         |
| 2   | Bụi (PM)                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | ≤50                       |
| 3   | SO <sub>2</sub>                              | mg/Nm <sup>3</sup> | ≤350                      |
| 4   | NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | ≤400                      |
| 5   | CO   | mg/Nm <sup>3</sup> | ≤400                      |

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

##### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi được thu gom dẫn qua thiết bị lọc bụi, quạt hút ly tâm, tháp hấp thụ (bổ sung dung dịch NaOH 10%) để xử lý. Khí thải sau xử lý được thải ra môi trường qua ống khói lò hơi.

##### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, công suất 15.000 m<sup>3</sup>/h

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh → Thiết bị lọc bụi (Xyclon chùm) → Quạt hút ly tâm → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH 10%) → Ống khói thoát khí → Khí thải đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

Công suất thiết kế: 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH 10%.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm**

Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu**

Tại ống khói sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

#### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm**

- Dòng thải: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi

Giám sát các thông số: Lưu lượng, bụi (PM), CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> (tính theo NO<sub>2</sub>).

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

#### **2.3. Tần suất lấy mẫu**


Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc bụi, khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường. 

## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 845 /GPMT-UBND ngày 31 /3/2026  
của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

| TT          | Tên chất thải                                 | Trạng thái tồn tại | Mã CTNH  | Khối lượng (Kg/năm) |
|-------------|---|--------------------|----------|---------------------|
| 1           | Bóng đèn huỳnh quang thải                     | Rắn                | 16 01 06 | 12                  |
| 2           | Ắc quy thải                                   | Rắn                | 16 01 12 | 10                  |
| 3           | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải | Lỏng               | 17 02 03 | 100                 |
| <b>Tổng</b> |   |                    |          | <b>122</b>          |

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

| TT               | Thành phần                                      | Khối lượng (Kg/năm) |
|------------------|---|---------------------|
| 1                | Bao bì nguyên liệu, palet gỗ hỏng               | 1.000               |
| 2                | Lề carton, bavia và giấy vụn, sản phẩm lỗi hỏng | 12.502              |
| 3                | Gang tay, bảo hộ lao động không dính dầu mỡ     | 300                 |
| 4                | Tro bụi từ quá trình hoạt động của lò hơi       | 7.800               |
| 5                | Bao bì mềm không chứa thành phần nguy hại       | 200                 |
| 6                | Bùn thải từ bể tự hoại, từ hồ ga lắng cặn       | 600                 |
| <b>Tổng cộng</b> |   | <b>22.402</b>       |

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

Phát sinh là 15.000 Kg/năm.

**1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát**

| TT | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại | Mã CTNH  | Khối lượng (Kg/năm) |
|----|--|--------------------|----------|---------------------|
| 1  | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                | 18 02 01 | 200                 |

|             |   |     |          |            |
|-------------|---|-----|----------|------------|
| 2           | Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải   | Rắn | 08 02 04 | 5          |
| 3           | Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải  | Rắn | 08 02 01 | 3          |
| 4           | Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải | Rắn | 18 01 02 | 80         |
| <b>Tổng</b> |   |     |          | <b>288</b> |

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

Thiết bị lưu giữ: Thùng nhựa với số lượng 07 thùng nhựa dung tích 200L.

Khu vực lưu giữ: Diện tích 10 m<sup>2</sup>; nhà kho được xây bằng tường gạch, mái lợp tôn, sàn bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, có gờ bao quanh tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải thông thường**

Thiết bị lưu giữ: Thùng nhựa với số lượng 4 thùng dung tích loại 500L và các bao bì mềm.

Khu vực lưu giữ: Diện tích 20m<sup>2</sup>; nhà kho có nền đổ bê tông, có mái che, tường bao tôn, bên ngoài có biển báo.


### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

Thiết bị lưu giữ: 03 thùng dung tích loại 200L.

Khu vực lưu giữ: Diện tích 5m<sup>2</sup>; Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt được đổ nền bê tông, có mái che, tường bao ngăn cách không bị nước mưa thấm vào.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy;

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải. Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải. Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài. 

**Phụ lục 5****YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **845** /GPMT-UBND ngày **31** /3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC CẤP:**

Không còn hạng mục, công trình và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thường xuyên rà soát quy trình, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, vận hành hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo vận hành hiệu quả, an toàn vệ sinh môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4. Bố trí nhân sự phù hợp để vận hành các công trình xử lý chất thải theo đúng quy định.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.